

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2023/DS-ST
Ngày 09-3-2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp
hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Mỹ Hòa.

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Hoa Thiên Lý;
- Ông Trần Văn Thạch.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Trương Thị Thảo Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** ông Phan Thanh Nhã, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 273/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 04/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** bà Võ Thị Ngọc A, sinh năm 1983; địa chỉ: số nhà 04, hẻm số 47A, đường A1, tổ A2, ấp A3, xã A4, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bà A: ông Phan Văn B, sinh năm 1957; địa chỉ: D40/3 khu phố B1, phường B2, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là người đại diện ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 27/02/2023; có mặt.

- **Bị đơn:** bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1969; địa chỉ: số nhà 140/15B, hẻm 28, đường C1, ấp C2, xã C3, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 11 năm 2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Võ Thị Ngọc A và người đại diện hợp pháp trình bày:

Bà A có tham gia chơi hội do bà Nguyễn Thị C làm chủ hội gồm 03 phần hội của dây hội 1.000.000 đồng khai ngày 29/10/2020 (âm lịch) tương ứng ngày 13/12/2020 (dương lịch), hội khai mỗi tháng 02 lần vào ngày 15 và ngày 30 (âm lịch) hàng tháng, hội gồm 60 phần. Nhưng do dịch covid nên đến ngày 29/6/2021 (âm lịch) thì ngưng không đóng hội, đến ngày 29/8/2021 (âm lịch) thì tiếp tục khai hội.

Trong 3 phần hội, bà A đã hót một phần hội vào ngày 15/02/2022 (âm lịch), hội kêu 500.000 đồng, tiền hót được 42.000.000 đồng, trừ tiền còn 1.200.000 đồng, bà nhận số tiền 40.800.000 đồng, trừ tiền hội phải đóng của 02 phần hội còn sống là 1.000.000 đồng, nhận thực tế số tiền 39.800.000 đồng, việc này bà C có viết giấy tay xác nhận giao cho bà A giữ.

Sau khi hót hội bà A đóng hội đầy đủ cho bà C đến ngày 15/7/2022 (âm lịch) tương ứng ngày 12/8/2022 (dương lịch) thì ngưng không đóng nữa, lý do bà C thông báo ngưng không gom hội nữa.

Tại đơn khởi kiện bà A yêu cầu bà C trả số tiền 57.000.000 đồng nhưng nay bà A xác định lại yêu cầu bà C trả số tiền 51.000.000 đồng (gồm 02 phần hội sống đóng được 37 kỳ là 74.000.000 đồng trừ 23.000.000 đồng tiền hội chết).

Bị đơn – bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà thừa nhận bà A có tham gia chơi hội do bà làm chủ hội các dây hội như bà A trình bày, đến ngày 15/7/2022 (âm lịch) bà tuyên bố bế hội nên không tổ chức đăng hội nữa, nhưng hội chết thì vẫn gom, bà có thông báo cho các hội viên ai có phần hội còn sống thì bà xin trả lại tiền gốc đã đóng, theo hình thức bóc thăm hàng tháng hội viên nào bóc thăm trúng thì tháng đó bà trả tiền cho người đó. Đa số các hội viên đều đồng ý, riêng có bà A là không đồng ý và khởi kiện. Bà xác định giấy viết tay có nội dung chữ màu xanh có dòng chữ đầu tiên “*hội 1 triệu khai 30-10-2020...*” bà A cung cấp cho Tòa án là do bà viết khi đăng hội cho bà A. Bà xác định 02 phần hội sống, bà A đã đóng được 37 kỳ hội sống, số tiền hội sống bà A đã đóng là 22.940.000 đồng/phần, riêng hội chết bà A còn nợ lại 23 kỳ là 23.000.000 đồng.

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà A, chỉ đồng ý trả lại cho bà A số tiền của 02 phần hội sống (theo mức hội đã đóng) làm tròn 23.000.000 đồng x 02 phần là 46.000.000 đồng, trừ tiền hội chết 01 phần hội mà bà A còn nợ 23.000.000 đồng là 23.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

- *Người đại diện hợp pháp của bà A trình bày:* không biết lý do vì sao bà C tuyên bố bế hội vì không có hội viên nào giạt hội của bà C và bà C cũng không khởi kiện hội viên nào, nay nhận thấy bà C cũng khó khăn nên bà A chỉ yêu cầu bà C trả số tiền 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh:*

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc A đối với bà Nguyễn Thị C, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bà A chỉ yêu cầu bà C trả số tiền hui 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi nên cần ghi nhận. Về án phí tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1]. Về Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: nguyên đơn – bà Võ Thị Ngọc A khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn – bà Nguyễn Thị C trả số tiền nợ hui, do bị đơn hiện đang cư trú tại xã Trường Tây, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh do đó căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 471 của Bộ luật Dân sự, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án “Tranh chấp hợp đồng góp hui”, Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Về tố tụng: bị đơn – bà Nguyễn Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bà C vắng mặt không lý do do đó căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà C là đúng theo quy định pháp luật. Ông Phạm Văn D là chồng của bà Võ Thị Ngọc A từ chối tham gia tố tụng trong vụ án vì ông D cho rằng số tiền hui bà A khởi kiện là tiền riêng của bà A không liên quan đến ông do đó Tòa án không tiến hành triệu tập cũng như không đưa ông Phạm Văn D vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2]. Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án, bà A và bà C đều thống nhất bà A có tham gia góp 03 phần hui do bà C làm chủ hui của dây hui 1.000.000 đồng, khai ngày khai ngày 29/10/2020 (âm lịch), hui khai mỗi tháng 02 lần vào ngày 15 và ngày 30 (âm lịch) hàng tháng, gồm 60 phần, bà A đã hót một phần hui vào ngày 15/02/2022 (âm lịch), đến ngày 15/7/2022 (âm lịch) tương ứng ngày 12/8/2022 (dương lịch) bà C thông báo bế hui nên bà A ngưng không góp hui nữa, hai bên cũng thừa nhận số tiền hui chết bà A còn nợ 23.000.000 đồng, 02 phần hui còn sống bà A đã góp được 37 kỳ/phần hui. Do đó đây là giao dịch dân sự có thật, được các bên đương sự thừa nhận nên đây là các tình tiết không phải chứng minh theo quy định khoản 2, 3 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà A thấy rằng: vào ngày 12/8/2022, bà C là chủ hui thông báo bế hui, lý do bế hui theo bà C trình bày do bà C gặp khó khăn nên

không tổ chức khai hội nữa, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cũng trình bày không biết lý do vì sao bà C tuyên bố bế hội vì không có hội viên nào giạt hội của bà C, từ đó đến nay bà C cũng không khởi kiện hội viên nào, do đó đây là trường hợp bà C tự ý chấm dứt dây hội nên bà C phải có trách nhiệm thanh toán lại số tiền hội cho hội viên. Đồng thời, từ ngày 12/8/2022 bà C không tổ chức khai hội nữa, tuy nhiên đối với các hội viên đã đăng hội (phần hội chết) thì hàng tháng bà vẫn gom theo mức hội chết 1.000.000 đồng/phần do đó bà A khởi kiện yêu cầu bà C trả lại số tiền hội chênh lệch sau khi đã khấu trừ 02 phần hội sống đã đóng 37 kỳ/phần tương ứng 02 phần hội là 74.000.000 đồng – 23.000.000 đồng hội chết = 51.000.000 đồng là có cơ sở theo quy định tại Điều 351 của Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn trình bày chỉ yêu cầu bà C trả số tiền 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Ngọc A đối với bà Nguyễn Thị C, buộc bà C có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền hội còn nợ là 40.000.000 đồng.

[3]. Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí trên số tiền phải trả theo quy định khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 351, 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phurong; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Ngọc A đối với bà Nguyễn Thị C về “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Buộc bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Ngọc A số tiền nợ hội 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả lại cho bà Võ Thị Ngọc A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.425.000 đồng (một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0021158 ngày 08/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tx. Hòa Thành;
- Chi cục THADS tx. Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Mỹ Hòa